

## ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Chu Thị Hồng Nhung

*Khoa Các Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội*

**Tóm tắt.** Để thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050, việc đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ngành Giáo dục mầm non (GDMN) là một việc làm cấp thiết. Đội ngũ GVMN có vai trò quan trọng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở GDMN. Hiện nay đào tạo giáo viên ở một số nước trên thế giới đã chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên nói chung và giáo viên mầm non (GVMN) nói riêng. Chất lượng đào tạo cũng như quản lý chặt chẽ đầu ra của giáo viên mầm non ở những nước phát triển cao hơn hẳn so với các nước đang phát triển. Việt Nam là một nước đang phát triển nên cần phải có những đổi mới và học hỏi kinh nghiệm trong đào tạo giáo viên mầm non nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên mầm non.

**Từ khóa:** đào tạo, giáo viên mầm non, đội ngũ giáo viên.

### 1. Mở đầu

Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, là chức năng, nhiệm vụ của hệ thống giáo dục quốc dân. Giáo dục mầm non hướng đến việc giúp trẻ phát triển toàn diện, chuẩn bị cho trẻ những năng lực cần thiết để bước vào cấp học tiếp theo. Cùng với xu hướng đổi mới trong giai đoạn hiện nay, để thực hiện mục tiêu giáo dục đáp ứng đổi mới thì cần thiết phải nâng cao chất lượng giáo viên - lực lượng quyết định chất lượng giáo dục. Để thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050, việc đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ngành Giáo dục mầm non (GDMN) là một việc làm cấp thiết. Đội ngũ GVMN có vai trò quan trọng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở GDMN. Tổng kết của UNESCO năm 2005 đã nêu rõ vai trò của người giáo viên: Người giáo viên phải đảm nhận nhiều chức năng hơn so với trước và có trách nhiệm nặng hơn trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ [1].

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới và những yêu cầu của giáo dục mầm non thì cần đảm bảo chất lượng của mỗi nhà giáo, một số nghiên cứu của các thành viên OECD (Tổ chức Hợp tác Phát triển Châu Âu) cũng đã chỉ ra các mặt: Kiến thức phong phú về nội dung chương trình và nội dung bộ môn mình dạy; kỹ năng sư phạm, kể cả việc có được “kho kiến thức” về phương pháp dạy học và về năng lực sử dụng những phương pháp đó; có tư duy phê phán trước mỗi vấn đề và năng lực tự phê, nét đặc trưng của nghề dạy học; biết tôn trọng và cam kết tôn trọng phẩm giá của người khác; có năng lực quản lý, kể cả trách nhiệm quản lý trong và ngoài lớp học [2].

Tác giả Bùi Minh Hiền - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo đã quan tâm đến ba vấn đề: Số lượng, chất lượng, cơ cấu của đội ngũ giáo viên trong một nhà trường. Đó là điều kiện cần cho sự phát triển và cần chú ý đến tính đồng thuận của đội ngũ giáo viên mới để tạo điều kiện đủ cho sự

phát triển bền vững của đội ngũ trên cơ sở phân tích các chức năng quản lí trong phát triển đội ngũ giáo viên từ việc lập kế hoạch, tổ chức - chỉ đạo và kiểm tra phải đảm bảo các vấn đề về số lượng, chất lượng và cơ cấu [3]. Đây là vấn đề cần được nghiên cứu trong thực tiễn quản lí đội ngũ giáo viên hiện nay trước những yêu cầu đổi mới của các cấp học trong đó có GDMN.

Vì vậy vấn đề đặt ra cho đào tạo giáo viên mầm non cần không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn hiện nay. Ở một số nước phát triển và đang phát triển đã và đang triển khai có hiệu quả các mô hình đào tạo giáo viên mầm non từ yêu cầu về trình độ và năng lực, phát triển chương trình đến kiểm tra, đánh giá đầu ra để cấp chứng chỉ hành nghề. Đào tạo giáo viên mầm non ở Việt Nam đã và đang đạt được nhiều thành tựu tuy nhiên trước yêu cầu đổi mới cần tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa, học hỏi thêm kinh nghiệm từ các mô hình đào tạo giáo viên tiên tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Vấn đề đào tạo đội ngũ GVMN của một số nước trên thế giới**

Nghiên cứu về đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, đặc biệt về chất lượng đội ngũ GVMN: Khi nói về trình độ chuyên môn và đào tạo cho GVMN, trong cuốn “Nền tảng vững chắc chăm sóc và giáo dục mầm non” do UNESCO xuất bản năm 2007, Báo cáo Giám sát về Toàn cầu về Giáo dục cho mọi người cho thấy “Trình độ chuyên môn cho giáo viên trước tuổi học khác nhau ở nhiều nước. Các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế thường yêu cầu trình độ đại học và trình độ chuyên khoa. Ở Pháp, giáo viên trước tuổi học phải thi đỗ kì thi quốc gia dành cho sinh viên có có bằng 3 năm sau trung học. Ở Bỉ, Đan Mạch, Phần Lan, Đức, Hy Lạp, Ireland, Luxembourg và Bồ Đào Nha giáo viên trước tuổi học phải hoàn thành ít nhất giáo dục 3 năm sau trung học. Ở Tây Ban Nha, trình độ yêu cầu của giáo viên trước tuổi học là thạc sĩ (Master). Gần đây Thụy Điển đã tăng thời gian các khóa đào tạo tại trường đào tạo giáo viên trước tuổi học từ 3 năm lên 3,5 năm để tương đương với giáo viên tiểu học” [4].

Trong quá trình phát triển GD tiến đến hiện đại hóa, chuẩn hóa giáo dục của nhiều nước trên thế giới đã chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên nói chung và GVMN nói riêng. Đặc biệt là các nước tiên tiến trên thế giới. Cụ thể:

#### **2.1.1. Về tình hình đào tạo giáo viên mầm non ở một số nước phát triển**

##### **2.1.1.1. Hoa Kỳ**

*Về yêu cầu năng lực và trình độ của GVMN:*

Từ năm 2002, 39 tiểu bang đã và đang phát triển các tiêu chuẩn của bậc mầm non, liên kết trực tiếp với các tiêu chuẩn của chương trình K-12. Sự phát triển những tiêu chuẩn này ảnh hưởng đến chương trình đào tạo giáo viên của các tiểu bang. Chẳng hạn, ở Illinois, ai muốn trở thành giáo viên phải trải qua 3 kì thi riêng biệt trước khi đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận nhà nước [5]. Tất cả bang ở Mỹ đều yêu cầu giấy phép giảng dạy mầm non. Tuy nhiên, mỗi bang cũng có những quy định riêng. Một số bang yêu cầu bằng Associate's degree (hoàn thành hai năm cao đẳng hoặc hai năm đầu của hệ đại học và có thể chuyển tiếp lên năm ba), bang khác có thể chỉ cần bằng tốt nghiệp phổ thông và giấy chứng nhận Child Development Associate (CDA). Một số hội đồng cấp giấy phép có chương trình đào tạo giáo viên mầm non riêng. Giáo viên mầm non được xác định là đội ngũ quan trọng có vai trò kích thích tinh thần ham học của trẻ. Họ hướng dẫn trẻ đọc, viết, hiểu khái niệm toán học cơ bản, đồng thời khuyến khích sự sáng tạo và tương tác xã hội. Giáo viên ở trường tư thường có quyền kiểm soát chương trình giảng dạy nhiều hơn, quy mô lớp học cũng nhỏ hơn ở trường công. GVMN phải có ít nhất bằng cấp về GDMN và lấy bằng cử nhân GDMN 5 năm sau khi nhận một khoản trợ cấp [6]. Mặc dù các tiêu chuẩn tối thiểu

khác nhau tùy theo bối cảnh của tiểu bang và trường học, giáo viên mầm non yêu cầu ít nhất bằng tốt nghiệp trung học và chứng nhận trong giáo dục mầm non. Ở các trường công lập: ít nhất có bằng cử nhân về giáo dục mầm non hoặc lĩnh vực có liên quan. Chứng chỉ của Tổ chức Hỗ trợ Phát triển Trẻ em (CDA) là chứng chỉ thông thường được yêu cầu bởi nhiều bang. Trường cao đẳng cộng đồng cung cấp chương trình chứng chỉ 1 năm và chương trình học liên kết trong 2 năm.

*Về chương trình đào tạo:*

Chương trình đề cập đến những vấn đề chung và sâu về giáo dục mầm non như: Chiến lược hướng dẫn cho giáo dục sớm; Đánh giá và Lượng giá ở trẻ nhỏ; Tăng trưởng và phát triển tuổi thơ; Định hướng giáo dục sớm; Cơ sở của giáo dục mầm non; Hội thảo giảng dạy trẻ mầm non; Môi trường học tập hiệu quả phát triển; Tiếng Anh có cấu trúc; Sự tham gia của cộng đồng và gia đình; Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ và khả năng đọc viết của trẻ nhỏ; Nghiên cứu đại học để thành công; Phương pháp học tiếng Anh có cấu trúc nâng cao; Phương pháp giảng dạy ở trẻ nhỏ; Nghiên cứu xã hội; Phương pháp giảng dạy ở trẻ nhỏ; Nghệ thuật và âm nhạc; Nền tảng cho thành công ở trường đại học; Phương pháp dạy học ở trẻ nhỏ; Toán học; Sự khác biệt của trẻ nhỏ; Dạy học sinh mầm non (0 đến 8 tuổi / lớp 3); Phương pháp giảng dạy ở trẻ nhỏ về khoa học; Dạy học sinh mầm non (từ khi sinh ra đến tuổi mầm non); Đạo đức và trách nhiệm xã hội trong giáo dục; Phát triển đọc hiểu trẻ nhỏ. Qua đó GVMN sẽ hình thành các phẩm chất Sự kiên nhẫn, bình tĩnh, giáo viên phải lên kế hoạch một cách sáng tạo để phù hợp với phong cách học khác nhau, có khả năng giao tiếp hiệu quả và trân trọng với phụ huynh và giáo viên khác.

**2.1.1.2. Pháp**

*Về yêu cầu năng lực và trình độ của GVMN:*

Giáo viên là nghề có tính cạnh tranh cao tại Pháp. Tất cả đều có bằng cử nhân trong lĩnh vực khác trước khi bắt đầu đào tạo thêm 2 năm. Bonnie R. Hurless chỉ ra những tiêu chuẩn nghiêm ngặt dành cho giáo viên mầm non ở Pháp đó là phải đạt được 10 chuẩn năng lực nghề nghiệp giáo viên mầm non sau khi tốt nghiệp, đây cũng chính là chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo GVMN [7]. Giáo viên mầm non muốn làm việc ở các cơ sở giáo dục mầm non phải có chứng chỉ hành nghề.

*Về chương trình đào tạo:*

Tất cả những giáo viên đó đều trải qua một hình thức đào tạo liên tục. Học sau đại học ở Pháp sau khi hoàn thành bằng cử nhân 3 năm, học thêm 2 năm để đào tạo giáo viên 3 + 2 (có bằng cử nhân ở lĩnh vực khác trước khi nghiên cứu giáo dục). Chương trình đào tạo bao gồm các môn chung như tổ chức hệ thống giáo dục, các giá trị và nguyên tắc của nhà trường, tâm lý học trẻ em, xã hội học nhà trường, nguyên tắc quản lý, nhu cầu đặc biệt của trẻ em. Bên cạnh đó chương trình chú trọng đến quá trình thực hành, thực tập của người học để hình thành các năng lực thực tiễn. Quá trình đào tạo, các giáo viên tương lai phải trải qua rất nhiều kì thi, quan trọng nhất là bài thi nói chuyên nghiệp (Professional Oral Examination), bao gồm phần phản biện cho luận văn dài khoảng 30 trang. Mỗi người nhận được 3 câu hỏi, một giờ chuẩn bị và 20 phút trình bày chủ đề. Họ cũng phải thực hiện bài thi kiến thức ngôn ngữ tiếng Pháp dài 4 tiếng và bài thi toán dài 3 tiếng. Bài thi tiếng Pháp gồm 3 phần. Phần 1 yêu cầu tóm tắt 3 cuốn sách được ban giám khảo lựa chọn; phần 2 yêu cầu ứng viên phân tích đoạn chữ viết của một đứa trẻ; phần 3 yêu cầu đánh giá một cuốn sổ tay giáo viên và lên kế hoạch bài giảng. Ở Pháp, giáo viên mầm non phải hoàn thành chương trình đào tạo và trải qua các kì thi nghiêm ngặt như giáo viên ở mọi cấp độ. Họ được xem như các chuyên gia và hưởng cùng mức lương, địa vị, uy tín, đồng thời cơ hội phát triển nghề nghiệp luôn rộng mở [7].

**2.1.1.3. Đức**

*Về yêu cầu năng lực và trình độ của GVMN:*

Về đào tạo giáo viên mầm non ở Đức, Hội nghị Bộ trưởng văn hoá Đức đã ban hành Thỏa thuận khung về đào tạo giáo viên mầm non nhằm mục đích nâng cao chất lượng hệ thống đào tạo giáo viên mầm non của toàn nước Đức (năm 2000). Thỏa thuận khung nêu rõ những nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ, các năng lực cần thiết cũng như tạo điều kiện để người học sau khi tốt nghiệp, trở thành giáo viên có thể làm việc độc lập, tự tin, có trách nhiệm trong tất cả các hoạt động giáo dục xã hội của trường. Bộ giáo dục đã ban hành các quy tắc và yêu cầu dành cho các giáo viên chuyên nghiệp trong đó có quy định chặt chẽ về thời gian đào tạo dựa trên mô hình nối tiếp và chia thành hai giai đoạn. Sau khi hoàn thành hai giai đoạn này giáo viên mầm non sẽ được cấp bằng và được phép làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non.

*Về chương trình đào tạo:*

Toàn bộ thời gian đào tạo giáo viên mầm non theo quy định đối với sinh viên là 5 năm, tối thiểu là 4 năm trong đó bao gồm cả thời gian dự bị. Bảng số giờ khung được giới thiệu trong thỏa thuận khung tạo cho các bang có sự linh hoạt trong hoạt động đào tạo của trường bởi không có sự ấn định những môn học cụ thể. Tuy nhiên các trường phải đáp ứng được những nội dung cơ bản sau vì chúng thể hiện rõ nét đặc thù nghề nghiệp, đó là: Thông tin và Xã hội; Lí thuyết và Thực hành giáo dục học 16 xã hội; Tổ chức sáng tạo – Âm nhạc; Kinh tế học và Sức khỏe; Tổ chức – Quyền và Quản trị; Tôn giáo/ Đạo đức học. Nội dung đào tạo được mô tả thông qua việc đòi hỏi người học phải đạt được trình độ chuyên môn sau [8] như nhìn nhận, đánh giá khả năng và nhu cầu của trẻ, thúc đẩy ở trẻ quá trình làm việc nhóm, hỗ trợ và thúc đẩy mối quan hệ với gia đình trẻ, tích cực tham gia vào quá trình giao tiếp cũng như quá trình giáo dục để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Thỏa thuận khung về đào tạo giáo viên mầm non đã tạo cho các bang khả năng xem xét, chuyển đổi, bổ sung những quy định trước đây về đào tạo cho phù hợp hoàn cảnh, điều kiện cụ thể hiện nay của bang. Các bang có thể có những chương trình, kế hoạch cụ thể khác nhau để làm tốt hơn công tác đào tạo giáo viên mầm non ở các trường cũng như các viện dạy nghề thông qua việc đổi mới chương trình giảng dạy, nâng cao điều kiện dự tuyển đầu vào.

**2.1.1.4. Úc**

*Về yêu cầu năng lực và trình độ của GVMN:*

GVMN phải có bằng cử nhân tốt nghiệp đại học 4 năm. Ở đây, đã xây dựng chuẩn GV theo chuẩn chung của quốc tế để đảm bảo chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non. Vì thế GVMN phải đạt được các yêu cầu cơ bản. Đồng thời GVMN muốn làm việc ở cơ sở GDMN phải có chứng chỉ hành nghề. Nếu GV xin làm việc lần đầu hoặc đang muốn tìm kiếm việc làm, đòi hỏi phải hoàn thành được chứng chỉ của tổ chức cơ quan quản lí giáo dục và chăm sóc trẻ em Úc [9] để có chứng nhận tạm thời. Giáo viên được chứng nhận tạm thời hoặc có điều kiện phải làm việc theo Hệ thống Kiểm định giáo viên trong một khoảng thời gian nhất định. Điều này liên quan đến việc thu thập các bằng chứng/ chứng cứ về thực tiễn của người giáo viên đạt được theo các tiêu chuẩn mô tả đối với một Giáo viên chuyên nghiệp, như trong Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên Úc. Chứng nhận giáo viên chuyên nghiệp là một bản hướng dẫn có cấu trúc liên quan đến thực hành giảng dạy, được thiết kế để hỗ trợ các giáo viên mới tăng cường kiến thức và kĩ năng làm việc trong lớp học. Nó cung cấp một khuôn khổ rõ ràng để giúp xây dựng và tăng cường khả năng giảng dạy của giáo viên. Nếu một GVMN không đạt được sự công nhận của giáo viên chuyên nghiệp vào ngày hết hạn của mình, họ sẽ không được công nhận và không thể dạy học tại cơ sở GDMN. Họ có thể đăng kí lại một lần nữa để sau hai năm được tái kiểm định.

*Về chương trình đào tạo:*

Đào tạo cử nhân giáo dục mầm non theo định hướng năng lực có thời gian học tiêu chuẩn là 5 năm. Trong đó, người học được: (i) Trải nghiệm thực tiễn giáo dục mầm non ngay từ năm thứ nhất; (ii) Áp dụng lí thuyết ở trường đại học vào thực tiễn giáo dục ở nhà trường mầm non; (iii) Hợp tác trong nghiên cứu khoa học giáo dục và phát triển chương trình đào tạo

Chương trình giáo dục mầm non (Early Childhood Education Programme) đảm bảo sự cân bằng của 03 khối kiến thức: khối kiến thức ngành, khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực hành nghề nghiệp. Mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non là đào tạo chuyên gia về chăm sóc và giáo dục trẻ.

#### **2.1.1.15 Hàn Quốc**

*Về yêu cầu năng lực và trình độ của GVMN:*

Trẻ dưới 3 tuổi do Bộ Y tế, Phúc lợi và Gia đình: GV tối thiểu cần phải đạt trình độ trung học phổ thông + 1 năm huấn luyện về chuyên môn. Trẻ từ 3-6 tuổi: GV phải ít nhất là đạt trình độ cao đẳng (tốt nghiệp trung học phổ thông + 2 năm học ở trường cao đẳng) hoặc đại học 4 năm. Như vậy, giáo viên mẫu giáo phải đạt được yêu cầu giáo dục tối thiểu của ISCED cấp 5, trong khi nhân viên chăm sóc trẻ đòi hỏi mức độ ISCED tối thiểu 3. Hầu hết các giáo viên mẫu giáo được đào tạo tại các trường đại học bốn năm hoặc hai hoặc ba năm đại học, chuyên ngành [10].

*Về chương trình đào tạo:*

Về mục tiêu đào tạo các kiến thức chuyên sâu về mầm non và các kiến thức hỗ trợ trong công tác giáo dục mầm non, các hệ thống các học phần chuyên ngành gồm: Chương trình đào tạo bao gồm 140 tín chỉ bao gồm học phần cơ bản và học phần bắt buộc như: nhập môn giáo dục mầm non, sự phát triển của trẻ, dạy trẻ chơi, giáo viên mầm non, vệ sinh tinh thần, trẻ nhỏ và máy tính, phương pháp phân tích hành vi của trẻ, tư vấn tâm lý cho trẻ nhỏ... Yêu cầu đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên dựa trên hồ sơ trung học phổ thông (mức độ thành tích trong từng lĩnh vực và khuyến cáo của giáo viên chủ nhiệm) và kết quả trong kì thi đánh giá thâm định (Scholastic Assessment Test - SAT). Các cơ sở đào tạo có thể phỏng vấn các ứng viên và yêu cầu họ làm bài kiểm tra thái độ và đạo đức nhà giáo. Trong hệ thống đào tạo giáo viên của Hàn Quốc thể hiện phương pháp sư phạm và chi phối mạnh quá trình đào tạo. Giáo viên mầm non yêu cầu ít nhất 50 tín chỉ trong chủ đề chính của họ, và trong số đó, nhiều hơn 21 tín chỉ trong các môn học bắt buộc. Người chăm sóc trẻ phải học sáu lớp trong chương trình giữ trẻ, ít nhất là sáu khóa học về giáo dục mầm non, Và một hoặc hai khóa học trong các môn học liên quan khác, chẳng hạn như phát triển và hướng dẫn. Prepracticum và dạy nghề tín chỉ là một phần của hệ thống đào tạo ban đầu chỉ dành cho Giáo viên mẫu giáo; Hơn nữa, người ta phải kiếm được nhiều hơn mức tối thiểu và trải qua tính cách và năng khiếu để dạy bài kiểm tra hai lần trong giai đoạn đào tạo ban đầu [10].

### **2.1.2. Về tình hình đào tạo giáo viên mầm non ở một số nước đang phát triển**

#### **2.1.2.1. Malaysia**

*Về yêu cầu năng lực và trình độ của GVMN:*

GVMN muốn làm việc tại các cơ sở GDMN phải có chứng chỉ hành nghề. Đào tạo giáo viên cho giáo viên mầm non (mẫu giáo) cũng được cung cấp bởi Bộ Giáo dục, trong khi đào tạo cho người chăm sóc trẻ em do Bộ Phát triển Nông thôn và Vùng và Bộ Phúc lợi Xã hội cung cấp. GV ít nhất phải có bằng giảng dạy trẻ mầm non hoặc cao đẳng được đào tạo tối thiểu 3 năm.

*Về chương trình đào tạo:*

Malaysia chia 4 mức độ về đào tạo nghề cho đội ngũ nhân viên, giáo viên theo chuẩn kỹ năng việc làm quốc gia của Malaysia (NOSS: National Occupational Skill Standard), để từ đó lấy làm căn cứ tuyển dụng như [10]: Giáo viên mầm non (Mức độ 2); Giáo viên mầm non chính (Mức độ 3); Giám sát viên trung tâm chăm sóc trẻ (Mức độ 4); Quản lý chăm sóc trẻ (Mức độ 5). Chương trình đào tạo nhấn mạnh đến các vấn đề như: (i) phát triển tình cảm xã hội; (ii) giáo dục GVMN; (iii) quản lý/ quản trị trường mầm non; (iv) phát triển thể chất; (v) chương trình mầm non quốc gia; (vi) giáo dục đạo đức; (vii) tâm lý của trẻ; (viii) ngôn ngữ và giao tiếp; (ix) sáng tạo và thẩm mỹ; (x) phát triển nhận thức... Sau chương trình học, giáo viên phải tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức, các lớp này được mở ra cho giáo viên có nhu cầu học thực sự nhằm bù đắp vào những

thiếu hụt kiến thức của cá nhân. Việc tham gia các lớp học hoàn toàn theo tự nguyện của giáo viên, sao cho họ đảm bảo những hiểu biết để phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ và vượt qua được những kì sát hạch, chuyên ngạch bậc giáo viên chính thức [11].

### **2.1.2.2. Nhật Bản**

*Về yêu cầu năng lực và trình độ của GVMN:*

Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên mầm non là 12+2 + kì thi tuyển quốc gia. Muốn trở thành GVMN không những phải có bằng tốt nghiệp về chuyên ngành mà còn phải dự thi thêm kì thi tuyển quốc gia, là một kì thi sát hạch chuyên môn nghiêm túc và không có sự “nuông tay”. Ngoài ra giáo viên mầm non cần có một trong ba loại giấy phép giảng dạy. Các khóa học liên quan đến giảng dạy mầm non thường bao gồm cả nội dung như tâm lí giáo dục, triết lí giáo dục, piano, phương pháp dạy học nghệ thuật và giáo dục thể chất. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao trình độ chuyên môn của giáo viên và chất lượng GDMN ở Nhật Bản [12].

*Về chương trình đào tạo*

Đào tạo GV nhà trẻ, mẫu giáo ở Nhật Bản do trường đại học đảm nhận; mỗi trường đại học được tự chủ xây dựng chương trình đào tạo giáo viên mầm non trong chương trình đào tạo của trường mình. Các hệ đào tạo giáo viên nhà trẻ, giáo viên mẫu giáo ở Nhật Bản gồm hệ cử nhân 4 năm, hệ cử nhân 2 năm và hệ sau đại học. Tham khảo chương trình đào tạo của Khoa Mẫu giáo trường Đại học Ochamomizu, trong chương trình đào tạo GVMN, ngoài việc học thi lấy các chứng chỉ lí luận, sinh viên còn phải rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thông qua việc tham quan trường mẫu giáo, dành thời gian cho việc quan sát và viết báo cáo phân tích những điều đã quan sát được, giúp sinh viên hiểu rõ về trẻ em và có kĩ năng quan sát, phân tích các hoạt của trẻ ở trường mẫu giáo. Sau khi lấy đủ các chứng chỉ về lí luận, đến năm thứ tư sinh viên phải thực tập 4 tuần làm công việc của giáo viên mẫu giáo (2 tuần vào tháng 4 và 2 tuần vào tháng 10 hàng năm). Đối với các giáo viên mầm non muốn giảng dạy tại các Hoikuen (là các trung tâm chăm sóc trẻ cả ngày) thì sẽ trải qua 1 trong 2 cách sau: Các giáo viên đã được đào tạo sư phạm mầm non tại 1 trường hướng nghiệp, cao đẳng được Bộ Y tế, Lao động & Phúc lợi công nhận hoặc thi lấy chứng chỉ Hoikuen. Một số trường đại học, cao đẳng và hướng nghiệp đào tạo giúp giáo viên mầm non nhận được cả 2 chứng chỉ Yochien kết hợp với Hoikuen. Đây gọi là hệ thống đào tạo cấp bằng linh động, điểm khác biệt giữa hệ thống giáo dục Nhật Bản và Việt Nam. Ba tiêu chuẩn đối với giáo viên: Thứ nhất, có niềm đam mê mạnh mẽ đối với việc giảng dạy; Thứ hai, giáo viên là lực lượng chuyên gia đáng tin cậy về giáo dục thể hiện ở năng lực hiểu biết trẻ em, năng lực quản lí giáo dục học sinh, khả năng tổ chức hoạt động tập thể, khả năng tạo sức mạnh cho lớp học sinh, năng lực dạy học và tổ chức các hoạt động học tập, năng lực giải thích các tài liệu học tập...; Thứ ba, giáo viên là nguồn nhân lực tổng hợp thể hiện ở các phẩm chất nhân cách như nhân tính và xã hội tính phong phú, khả năng quan hệ lễ phép với mọi người, năng lực giao tiếp và hợp tác với giáo viên trong trường và với toàn thể giáo viên [12].

### **2.1.2.3. Thái Lan**

*Về yêu cầu năng lực và trình độ của GV*

Việc đào tạo giáo viên hoặc do các trường đại học của Vụ Đại học trực thuộc Bộ hoặc do các trường đại học sư phạm đảm nhiệm, và nhiều giáo viên bây giờ đã trở thành các Rajaphat (học giả của nhà vua). Các trường Đại học này được quản lí bởi bộ phận đào tạo giáo viên của Bộ Giáo dục. Chương trình bao gồm các khóa học về phương pháp giảng dạy, quản lí lớp học, chuyên môn bắt buộc, giám sát kinh nghiệm giảng dạy thực tế, và các đối tượng giáo dục phổ thông. Hoàn thành chương trình trung học phổ thông (Mathayom 6) là yêu cầu bắt buộc để được tham gia các chương trình đào tạo giáo viên cơ bản. Các giáo viên mầm non và trung học phải hoàn thành một chương trình hai năm để được tham gia học lấy các chứng chỉ hoặc văn bằng giáo dục cao hơn [13].

*Về chương trình đào tạo:*

Ở Thái Lan, nền giáo dục chú trọng đến tình yêu thương, hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng thầy cô, yêu thương bạn bè. Đối với đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học và trung học, Thái Lan rất coi trọng giáo dục nhân cách con người, tính kỉ luật với mục tiêu đào tạo các thế hệ trở thành một người có nhân cách tốt, có ích cho gia đình, xã hội. Bên cạnh đó chương trình đào tạo giáo viên mầm non ở Thái Lan chú trọng các phát triển các năng lực như tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ, đánh giá trẻ, chăm sóc trẻ có nhu cầu đặc biệt, phát triển ngôn ngữ, nhận thức, quan hệ xã hội cho trẻ, thúc đẩy hoạt động xã hội. Đặc biệt trong đào tạo giáo viên mầm non rất chú trọng đến nâng cao khả năng học ngôn ngữ hai và coi đây là nhiệm vụ bắt buộc và nâng cao [13].

*Nhìn chung:*

Trong tuyển sinh vào hệ thống đào tạo GVMN ở các nước phát triển coi trọng kiểm tra năng khiếu và đạo đức nghề nghiệp (Hàn quốc đã xây dựng phương án kiểm tra về đạo đức nghề và tình yêu trẻ của các ứng viên). Nhiều nước phát triển Nhiều nước có thêm các quy định về thời gian thực hành nghề, mức năng lực nghề và đạo đức nghề, kết quả thi sát hạch của cơ quan kiểm định độc lập, dựa vào đó mới cấp chứng chỉ hành nghề để công nhận GVMN chính thức. Cả hai nhóm nước đang phát triển và phát triển đều có sự phân biệt giữa giáo viên mầm non và người chăm sóc trẻ. GVMN đòi hỏi phải có kĩ năng chuyên ngành, trong khi đó là một người chăm sóc chỉ cần có chứng chỉ chăm sóc, giáo dục trẻ (Rosemberg, 2003). Đa số các nước phát triển sử dụng hình thức đào tạo mà ở đó đầu vào không hạn chế, sinh viên có thể dễ dàng thi tuyển vào nhưng để tốt nghiệp được khóa đào tạo không phải là tất cả sinh viên đều có thể. Nếu sinh viên không có đủ điều kiện đáp ứng với yêu cầu của khóa học thì sẽ bị đào thải. Một số nước đang phát triển đào tạo sinh viên theo hình thức tất cả sinh viên đã vào trường đều tốt nghiệp hết tuy nhiên có sự khác biệt cao hay thấp ở trong điểm số của từng sinh viên. Điều này cho thấy ở các nước này không có sự sàng lọc đối tượng người học. Cho nên nhiều GV ra trường chưa thực sự yêu nghề và gắn bó với nghề. Việc cấp chứng chỉ hành nghề cho GVMN chính thức chưa được áp dụng ở nhiều nước, chủ yếu ở những nước tiên tiến và có nền giáo dục phát triển. Nhiều nước cả nước phát triển và đang phát triển có thêm các quy định về thời gian thực hành nghề, mức năng lực nghề và đạo đức nghề, kết quả thi sát hạch của cơ quan kiểm định độc lập, dựa vào đó mới cấp chứng chỉ hành nghề để công nhận GVMN chính thức.

**2.2. Thực trạng về hệ thống đào tạo GVMN ở Việt Nam, bài học kinh nghiệm từ đào tạo của các nước trên thế giới**

**2.2.1. Thực trạng về đội ngũ CBQL và GVMN ở Việt Nam**

*Bảng 1. Thực trạng đội ngũ CBQL và GVMN trong thời gian gần đây*

TT	Tỉnh	TSCB QLVG NV	Biên chế	CBQL			Giáo viên		
				TS	Đạt chuẩn trở lên	Trên chuẩn	TS	Đạt chuẩn trở lên	Trên chuẩn
1	Son La	6179	5914	670	699	384	4723	4695	2030
2	Hà Nội	67267	31919	2753	2745	2654	47384	47384	26805
3	Nghệ An	16953	11003	1392	1386	1228	11249	11249	8932
4	Quảng Bình	6493	4371	506	506	502	4163	4163	3310
5	Kom Tum	3229	2080	334	334	315	2203	2187	1487
6	Bình Dương	11888	4699	682	682	548	5940	5940	2563

7	Cần Thơ	5548	3395	453	453	419	3575	3413	1857
	<b>Tổng cộng</b>	<b>117557</b>	<b>63381</b>	<b>6790</b>	<b>6805</b>	<b>6050</b>	<b>79237</b>	<b>79031</b>	<b>46984</b>
			53,9%		99,31%	94,68%		99,7%	59,3%

*Nguồn: Thống kê của Cục nhà giáo và cán bộ quản lí cơ sở GD, Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019-2020*

Nhìn vào bảng trên cho thấy các địa phương đã quan tâm phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục đủ về số lượng, hợp lí về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Trình độ đào tạo CBQL đạt chuẩn trở lên 99,31%, trong đó, trên chuẩn 94,68% (tăng 1,58%); giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên 99,7% (tăng 0,23%), trong đó, trên chuẩn đạt 59,3%, (tăng 3,02% so với năm học trước). Tuy nhiên một vấn đề đặt ra tỉ lệ CBQL và GVMN đạt chuẩn và trên chuẩn rất cao nhưng trên thực tế mức độ đáp ứng với yêu cầu đổi mới còn nhiều hạn chế.

Các GV và CBQL được đào tạo ở các cơ sở đào tạo GVMN trên cả nước. Ở Việt Nam, năm 2016 có 99 cơ sở đào tạo GVMN, trong đó nhiều nhất là các cơ sở đào tạo GVMN trình độ TCSP và CĐSP (26 trường TCSP và Trung cấp đa ngành, 43 trường CĐSP và CĐ đa ngành). Có 30 trường ĐH và ĐHSP, trong đó nhiều trường đào tạo cả trình độ CĐSP, ĐHSP và sau đại học ngành GDMN. Các trường đại học đào tạo GVMN đó là: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 2; Trường Đại học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên; Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh; Trường Đại học Thủ đô; Đại học Sư phạm Huế, Đại học Đà Nẵng, Đại học Vinh... Số lượng cơ sở được giao chức năng bồi dưỡng cán bộ quản lí GD&ĐT (trong đó có CBQL bậc học mầm non) quá khiêm tốn: có 1 Học viện Quản lí giáo dục (Hà Nội) và 1 trường Cán bộ quản lí Giáo dục (tp. Hồ Chí Minh). Các cơ sở đào tạo GVMN rải đều ở các khu vực trên cả nước, tuy nhiên, tập trung cao nhất ở khu vực Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, sau đó đến Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, ít nhất ở Bắc Trung Bộ. Trong quá trình đào tạo, GV được học cả môn chung và các môn chuyên ngành, được thực tập, kiến tập tại các trường mầm non [6].

#### *Về chương trình đào tạo:*

Chương trình đào tạo hệ chính quy tại các cơ sở đào tạo khá chặt chẽ, nghiêm túc theo các Quy chế hiện hành. Sinh viên phải học cả những môn chung và những môn chuyên ngành, có thời gian thực hành, kiến tập. Chương trình đào tạo GVMN được cấu trúc các khối kiến thức: chung/đại cương; cơ sở ngành; chuyên ngành và thực hành, thực tập sư phạm. Trong những năm gần đây, ở các trường CĐ, ĐH đào tạo các Chương trình đào tạo GVMN được xây dựng mới với nhiều chuyên đề tự chọn hơn, đồng thời, đã đưa thêm các nội dung về Phương pháp dạy học tiên tiến giáo dục trẻ mầm non mang tính cập nhật hơn với những đổi mới GDMN Việt Nam như các dự án STEAM, phương pháp giáo dục Montessori, các phương pháp giáo dục sớm...

Đa số các cơ sở đào tạo GVMN đã xây dựng được hệ thống cơ sở GDMN vệ tinh phục vụ cho hoạt động thực hành, thực tập sư phạm. Một số trường đã xây dựng được các trường mầm non thực hành trực thuộc. Có sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo với Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT địa phương trong tổ chức thực hành, thực tập sư phạm cho sinh viên ngành GDMN.

*Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số hạn chế trong đào tạo của các trường ĐH và CĐ hiện nay như:* Thời lượng phần kiến thức chung/ đại cương nhiều, phần thực hành, thực tập sư phạm còn khá khiêm tốn, sinh viên còn chưa có nhiều cơ hội được rèn luyện và thực hành tay nghề chuyên môn nên lúng túng khi công tác tại các cơ sở GDMN; Chuẩn đầu ra chưa gắn với năng lực nghề nghiệp, nếu có, chưa kết nối giữa chuẩn đầu ra của Chương trình và chuẩn đầu ra của học phần, hoạt động trong Chương trình theo định hướng năng lực nghề nghiệp. Đặc biệt, nhiều các đề cương chi tiết, nội dung giáo trình, tài liệu tham khảo đều khá nặng lí thuyết hàn lâm, ít cập nhật với đổi mới GDMN của thế giới và thực tiễn ở Việt Nam, chưa nhiều hoạt động rèn luyện nghề ở trường ĐH, CĐ và trường thực hành phục vụ đặc lực cho mục tiêu phát triển



năng lực nghề nghiệp của người GVMN tương lai. Đánh giá kết quả các môn học/học phần hay các hoạt động rèn nghề theo hình thức thi tự luận/ trắc nghiệm khách quan, chủ yếu diễn ra vào cuối kì hay cuối học phần nên chưa đánh giá được khách quan năng lực nghề nghiệp mang tính tích hợp người học [6].

Về thi tuyển: Trừ trình độ TC, các trình độ CĐ, ĐH hệ chính quy, ngoài xét tuyển, có kết hợp với thi tuyển, trong đó, một số cơ sở đã chú trọng tuyển năng khiếu đầu vào và có sự sàng lọc thí sinh tương đối cao.

Về yêu cầu năng lực và trình độ của GVMN: GV phải đạt chuẩn (tốt nghiệp ít nhất từ các trường cao đẳng trở lên). Ở mỗi địa phương tùy vào tình hình cụ thể sẽ tổ chức xét tuyển và thi công chức.

### 2.2.2. Bài học cho Việt Nam

Kinh nghiệm đào tạo GVMN của các nước cho thấy, trong quá trình đào tạo GVMN ở Việt Nam là cần phải đổi mới phù hợp với sự phát triển của xã hội và liên tục cập nhật với các xu hướng đào tạo khác nhau của các nước trên thế giới để học hỏi và có thể áp dụng nếu thấy phù hợp với tình hình của Việt Nam.

Trong những năm gần đây, sự biến đổi nhanh chóng của cơ cấu xã hội và sự đa dạng, phức tạp của các vấn đề nảy sinh trong giáo dục nhà trường đòi hỏi giáo viên phải là lực lượng được đào tạo ở trình độ chuyên môn cao hơn, có tính cá nhân và tính xã hội phong phú hơn. Để đáp ứng yêu cầu này, việc chú trọng đào tạo giáo viên là cần thiết, và cần xem xét phát triển các mô hình cải tiến các chương trình đào tạo giáo viên trong đó cần chú trọng hơn nữa đến vấn đề thực hành, thực tập cho giáo viên. Bên cạnh đó để duy trì và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo giáo viên, việc thẩm định để công nhận các chương trình cần được chú trọng. Cần có sự sàng lọc đối tượng người học và có những tiêu chí cụ thể thì mới cho sinh viên tốt nghiệp ra trường thì mới có thể đào tạo ra được những GVMN thực sự yêu nghề và gắn bó với nghề.

Trong chương trình đào tạo GVMN, cần đổi mới khung đào tạo cho GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay. Trong khung đào tạo nêu rõ những nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ, những năng lực cần thiết cũng như tạo điều kiện để người học sau khi tốt nghiệp giáo viên phải có việc làm, và là người giáo viên có năng lực, tự tin và có trách nhiệm. Chương trình đào tạo cần chú ý trang bị các kiến thức có tính chất cập nhật, đổi mới tăng cường công nghệ thông tin và nâng cao yêu cầu học ngoại ngữ. Đặc biệt trong chương trình đào tạo cần tăng thời gian thực hành, thực tập cho sinh viên để sinh viên có thể vận dụng những kiến thức vào trong thực tiễn. Các quốc gia đều xác định GDMN là cấp học quan trọng nên cần chú trọng đến các yêu cầu cho GVMN bên cạnh tốt nghiệp đại học còn cần có chứng chỉ hành nghề. Mặt khác cần chú trọng tổ chức nghiêm túc các kì thi sát hạch và kì thi tốt nghiệp trong đó có để đảm bảo chất lượng đầu ra. Như vậy thì các nhà trường cần chú trọng đến việc xây dựng và sử dụng chuẩn đầu ra rất cụ thể và hướng đến các năng lực cần có của người GVMN trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ.

Cần nghiên cứu đổi mới phương thức giảng dạy và bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp của cá nhân. Việc học phải xuất phát từ nhu cầu học thực của người học (họ muốn học gì và học bằng cách nào để phù hợp với điều kiện riêng). Do đó cần có sự đa dạng hóa chương trình học (có sự đa dạng nội dung của các chương trình và cách thức học tập trung, trực tuyến, băng hình...).

Cần tính đến việc cấp chứng chỉ hành nghề cho GVMN để đảm bảo mọi GVMN khi bước vào nghề đều có tâm thế sẵn sàng và có thể làm việc tốt với trẻ. Sau khi có được các chứng chỉ thì việc duy trì các phẩm chất và năng lực đối với giáo viên được yêu cầu thường xuyên thông qua các biện pháp mang tính thể chế là một việc làm cần thiết. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu áp dụng cho những năm tiếp theo về việc chuẩn hóa năng lực đội ngũ GVMN và cấp chứng chỉ hành nghề. Có như vậy mới dần loại bỏ những hiện trạng kém chất lượng dịch vụ GDMN, tình trạng bạo hành trẻ em.

### **3. Kết luận**

Đào tạo giáo viên mầm non ở Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức và cơ hội. Xây dựng, đổi mới mô hình đào tạo giáo viên mầm non nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới là một chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Từ việc phân tích, đánh giá yêu cầu năng lực và trình độ đến chương trình đào tạo của một số nước trên thế giới cho thấy đào tạo giáo viên mầm non ở Việt Nam cần chú trọng đến việc đổi mới hình thức, phương pháp giảng dạy, xây dựng khung chương trình và chuẩn đầu ra bám sát với yêu cầu của thực tiễn, đồng thời tăng thời gian thực tập, kiến tập cho sinh viên ở các cơ sở giáo dục mầm non, đổi mới đánh giá tốt nghiệp cho sinh viên theo hướng chú trọng đến các năng lực thực tiễn. Đặc biệt cần nghiên cứu nghiêm túc việc cấp chứng chỉ hành nghề hay các yêu cầu về đánh giá năng lực nghề nghiệp, về thời gian thực hành, thực tập cho sinh viên mầm non trước khi giáo viên mầm non công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non. Trong thời gian tới hy vọng cùng với việc đổi mới, nỗ lực không ngừng của các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non sẽ không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của đổi mới và yêu cầu thực tiễn trong thời kì hội nhập và phát triển.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] UNESCO, *Học tập kho báu tiềm ẩn*, Báo cáo năm 1995, Hà Nội.
- [2] *Teachers' Pedagogical Knowledge and the Teaching Profession*. OECD
- [3] Bùi Minh Hiền – chủ biên, 2006. *Quản lí giáo dục*. Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [4] UNESCO, 2007. *Nền tảng vững chắc Chăm sóc và Giáo dục mầm non, Báo cáo giám sát Toàn cầu về Giáo dục cho Mọi người*. Hà Nội, tr. 146.
- [5] Teacher Research in South Korean Early Childhood Education: New Initiative as Professional Development. Mina Kim San Francisco State University, San Francisco, USA and San Francisco State University, San Francisco, USA, *US-China Education Review A* 10 (2012) 903-916, ISSN 1548-6613
- [6] Nguyễn Thị Mỹ Trinh, 2017. Nâng cao chất lượng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, tr. 20.
- [7] Nguyễn Thị Như Mai, 2020. Đào tạo giáo viên mầm non ở cộng hòa Pháp và kinh nghiệm đối với Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Volume 65, Issue 11A, 2020, tr.55.
- [8] Publications National Association for the Education of Young Children" NAEYC, Social Development, Retrieved 2013-03-22
- [9] Australian Professional Standards for Teachers. The Australian Institute for Teaching and School Leadership. February 2011.
- [10] Eunhye Park, Seenyong Park (Ewha Womans University), 2015. "Issues and Tasks for Early Childhood Education and Care Workforce in Korea". *Asian-Pacific Journal of Reasearch in Early Childhood Education*, Vol.9, No.2, May 2015, pp.23-50.
- [11] Malaysia Early Childhood Care and Education (ECCE) programmes Compiled by: UNESCO International Bureau of Education (IBE) Geneva, (Switzerland) 2006.

- [12] Hirotohi Yamasaki, *Teachers and Teacher Education in Japan*, Bull. Grad. School Educ. Hiroshima Univ., Part III, No. 65, 2016, pp.19-28.
- [13] Joseph Seyram Agbenyega, 2015. Transforming Thai Preschool Teachers' Knowledge on Inclusive Practice: A Collaborative Inquiry, *Australian Journal of Teacher Education*, Vol. 40, p.12.

### ABSTRACT

#### **Training preschool teachers in some countries around the world and in Vietnam in the current period**

Chu Thi Hong Nhung

*Faculty of Educational Sciences, Vnu University of Education, Vietnam National University*

To carry out the mission of preschool education to 2025, with a vision to 2050, training and improving the quality of teacher training in preschool education is an urgent task. Preschool teachers play an important role in improving the quality of care and education for children in preschool institutions. Currently, teacher training in some countries around the world has focused on developing teachers in general and preschool teachers in particular. The quality of training as well as strictly managing the output of preschool teachers in developed countries is much higher than in developing countries. Vietnam is a developing country, so it is necessary to have innovations and learn from experience in training preschool teachers to improve the quality of preschool teachers.

**Keywords:** training, preschool teachers, teaching staff.